

# ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ NGUYỄN NGỌC\*  
GS.TS. NGUYỄN VĂN KIM\*\*

**Tóm tắt:** Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong tiến trình lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự kết thúc của cuộc kháng chiến cứu nước kéo dài 21 năm, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên thống nhất đất nước, hòa bình và phát triển cho dân tộc Việt Nam. Từ cách tiếp cận về quyền con người, cùng với việc tập trung phân tích thành quả của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, bài viết làm rõ bối cảnh, những thách thức nghiêm trọng của xã hội Việt Nam thời hậu chiến cũng như nỗ lực lớn lao của dân tộc nhằm bảo đảm các quyền cơ bản của con người, bao gồm quyền tự quyết dân tộc, quyền hưởng đến các mục tiêu hòa bình, phát triển, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam.

**Từ khóa:** Đại thắng mùa Xuân năm 1975; quyền con người; Việt Nam

Ngày nhận: 16/10/2025

Ngày phản biện: 03/11/2025

Ngày duyệt đăng: 10/11/2025

## 1. Đặt vấn đề

Quyền con người là một khái niệm có nội hàm phong phú và đa chiều, phản ánh các giá trị cốt lõi gắn liền với phẩm giá con người trong mọi xã hội, mọi thời đại và được bảo tồn với nhiều cách tiếp cận, diễn giải khác nhau<sup>1</sup>. Nhìn chung, quyền con người luôn được công nhận như nền tảng thiết yếu để xây dựng một xã hội tiến bộ, nơi mà mỗi cá nhân đều có điều kiện phát huy tiềm năng, được tôn trọng và bảo vệ một cách toàn diện. Trải qua các thời kỳ lịch sử phát triển, quyền con người không ngừng bị thử thách

bởi những biến động lớn (đặc biệt là từ các cuộc chiến tranh, xung đột chính trị, nạn đói, dịch bệnh, thiên tai), dẫn đến sự xói mòn của các thiết chế bảo vệ con người, gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền được sống, được an toàn và được phát triển trong môi trường ổn định của con người<sup>2</sup>.

Ở Việt Nam, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một giai đoạn mới cho việc hiện thực hóa các quyền con người trên nền tảng độc lập dân tộc. Tuy nhiên, quá trình này nhanh chóng bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai của thực dân Pháp (1945 - 1954), gây ra tổn thất to lớn về tài sản, tính mạng con người,

\* , \*\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.



đồng thời đe dọa trực tiếp đến quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Mặc dù chiến sự ở Việt Nam tạm thời chấm dứt nhưng đất nước lại rơi vào tình trạng chia cắt kéo dài. Sự phân chia hai miền Bắc - Nam với giới tuyến quân sự là vĩ tuyến 17, vốn được dự kiến duy trì trong thời gian ngắn (2 năm)<sup>3</sup>. Nhưng trên thực tế đã tồn tại 21 năm<sup>3</sup>. Trong bối cảnh đó, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ có ý nghĩa về mặt quân sự, chính trị, mà còn mang giá trị quyền con người sâu sắc. Chiến thắng đó đã chấm dứt hoàn toàn sự can thiệp từ bên ngoài, đem lại hòa bình và thống nhất đất nước, khẳng định mạnh mẽ quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Việc tái lập hòa bình, thống nhất đất nước đã trở thành một trong những minh chứng sống động cho sự hội tụ giữa mục tiêu dân tộc và các giá trị của quyền con người, tạo điều kiện khẳng định, bảo đảm và thực thi quyền cơ bản của người dân Việt Nam.

## 2. Giá trị của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và quyền con người

### 2.1. Khẳng định quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam

Điều 55 Hiến chương Liên hợp quốc (năm 1945) đã xác lập nguyên tắc cơ bản về quan hệ quốc tế, trong đó nhấn mạnh việc thúc đẩy “các điều kiện ổn định và phúc lợi cần thiết cho quan hệ hòa bình và hữu nghị giữa các quốc gia dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng quyền lợi và quyền tự quyết của các dân tộc”<sup>4</sup>. Nguyên tắc này không chỉ khẳng định tư cách bình đẳng của các quốc gia - dân tộc có chủ quyền, mà còn thể hiện tinh thần nhất quán của luật pháp quốc tế; đồng thời khẳng định chỉ những cộng đồng dân cư ổn định, sinh sống lâu dài trên lãnh thổ của một quốc gia - dân tộc độc lập mới có tư cách là chủ thể thực sự của quyền tự quyết. Quyền này thuộc về toàn thể nhân dân, không dành riêng cho bất kỳ nhóm chính trị hay thế lực cụ thể nào, nhân dân chính là chủ thể trực tiếp của

các quy phạm pháp lý quốc tế về quyền dân tộc tự quyết. Quan điểm này được tái khẳng định trong khoản 1, Điều 1 của hai bản Công ước năm 1966 về quyền con người là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị<sup>5</sup> và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa<sup>6</sup>: Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa.

Như vậy, có thể khẳng định, về bản chất, quyền dân tộc tự quyết không thể tách rời quyền con người. Quyền dân tộc và quyền con người có mối quan hệ chặt chẽ, mang tính biện chứng<sup>7</sup>. Quyền dân tộc tự quyết cũng khẳng định rằng, mỗi dân tộc có quyền được tự do xác lập con đường phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội mà không bị chi phối hoặc can thiệp từ bất kỳ thế lực bên ngoài nào. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để một quốc gia có thể xây dựng thể chế bảo vệ quyền con người một cách hiệu quả, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế về quyền con người đối với toàn thể công dân của mình.

Có thể thấy, trước năm 1975, ở Việt Nam, quyền dân tộc tự quyết bị vi phạm và gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với việc thực hiện quyền con người. Tình trạng đất nước bị chia cắt và sự can thiệp sâu rộng của các cường quốc bên ngoài vào miền Nam Việt Nam không chỉ xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền quốc gia, mà còn dẫn đến những bất ổn chính trị, xung đột vũ trang kéo dài và những vi phạm quyền con người trên một không gian rộng lớn<sup>8</sup>. Theo ước tính, cuộc

chiến tranh mà Mỹ và các lực lượng đồng minh tiến hành ở Việt Nam (1954 - 1975) đã khiến gần 2 triệu dân thường tử vong; hơn 2 triệu người mang thương tật suốt đời; khoảng 2 triệu người (gồm cả quân nhân) bị phơi nhiễm các loại hóa chất độc hại. Lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam (bao gồm cả Quân Giải phóng miền Nam) có khoảng 1,1 triệu quân nhân hy sinh trong những trường hợp khác nhau (trực tiếp chiến đấu trên chiến trường, gặp tai nạn hay ốm đau trên đường hành quân), 600.000 quân nhân bị thương hoặc bị bệnh. Trong số những quân nhân hy sinh, có 300.000 quân nhân chưa tìm được hài cốt. Trong khi đó, những người còn sống vẫn tiếp tục phải đối mặt với các hệ lụy về kinh tế, xã hội và môi trường... mà cuộc chiến gây ra, trong đó tỷ lệ dị dạng bẩm sinh ở Việt Nam được đánh giá là cao nhất thế giới<sup>9</sup>.

Theo tính toán, có khoảng 150.000 trẻ em bị dị dạng ngay từ khi mới sinh ra do cha mẹ bị phơi nhiễm chất độc da cam. Khoảng 3 triệu người Việt Nam bị phơi nhiễm điôxin trong chiến tranh và ít nhất có 1 triệu người bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ chất độc da cam. Nhiều người trong số họ là các cựu chiến binh, những người khác thuộc thế hệ thứ hai hoặc thứ ba. Nhiều người trong số những nạn nhân này sống ở những vùng lân cận với các căn cứ quân sự của Mỹ trước đây, nhất là Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai), khu vực sân bay Đà Nẵng, nơi vẫn còn tồn đọng một lượng lớn chất độc da cam<sup>10</sup>. Tòa án Bertrand Roussel cũng nhận định cuộc chiến tranh hóa học của Mỹ tại Việt Nam là “cuộc chiến tranh hủy diệt môi trường, hủy diệt hệ sinh thái và con người”. Những bằng chứng

trên cho thấy người dân miền Nam Việt Nam đã phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của chiến tranh, luôn phải sống trong cảnh bất an và không được tự quyết định tương lai của mình. Điều đó đi ngược lại các quyền cơ bản được công nhận trong luật pháp quốc tế. Chính vì vậy, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một bước ngoặt lịch sử, khẳng định mạnh mẽ quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam:

*Thứ nhất*, chấm dứt hoàn toàn sự can thiệp của các thế lực ngoại xâm và khôi phục chủ quyền quốc gia, tạo điều kiện để nhân dân Việt Nam thực sự làm chủ vận mệnh dân tộc, tự quyết định con đường phát triển đất nước mà không bị áp đặt từ bên ngoài. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mà còn thiết lập một Nhà nước thống nhất, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Nhờ đó, Việt Nam có thể tự chủ trong việc hoạch định chính sách đối nội và đối ngoại, bảo vệ chủ quyền và lợi ích của nhân dân. Sự kiện này đồng thời mở ra một thời kỳ mới, trong đó quyền lực thực sự thuộc về nhân dân - những người đóng vai trò trung tâm trong quá trình xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và phát triển. Việc trao quyền tự quyết cho toàn thể nhân dân không chỉ góp phần củng cố nền độc lập, mà còn thúc đẩy mạnh mẽ việc bảo đảm và thực thi các quyền con người, từ quyền sống, quyền tự do, đến quyền được phát triển, được tham gia vào đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

*Thứ hai*, xây dựng một chính quyền thống nhất, bảo đảm quyền con người dựa trên nền tảng hòa bình và độc lập. Sau khi đất nước

được thống nhất, ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử toàn quốc đã diễn ra và trở thành cột mốc quan trọng trong lịch sử chính trị - pháp lý của Việt Nam. Sự kiện này không chỉ thể hiện khí thế phấn khởi, tinh thần đoàn kết và ý chí chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, mà còn phản ánh rõ nét nguyện vọng sâu sắc về độc lập, thống nhất và chủ quyền dân tộc sau ba thập kỷ chiến tranh; khẳng định tính hợp hiến, hợp pháp và tính liên tục của Nhà nước cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua đó mở ra một thời kỳ phát triển mới cho đất nước<sup>11</sup>. Việc thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ và thể chế chính trị đã tạo điều kiện để hình thành một hệ thống pháp luật và bộ máy nhà nước thống nhất trên phạm vi toàn quốc, với đầy đủ thẩm quyền và trách nhiệm trong việc bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người cho mọi công dân.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 có ý nghĩa then chốt trong việc khẳng định quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam - yếu tố nền tảng cho việc bảo đảm quyền con người. Việc chấm dứt sự can thiệp của Mỹ và các lực lượng đồng minh, khôi phục chủ quyền quốc gia, đồng thời đem lại quyền dân tộc tự quyết cho nhân dân Việt Nam không chỉ là một nguyên tắc pháp lý, mà còn là một động lực lịch sử quan trọng, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, hướng tới mục tiêu hòa bình, độc lập, tự do và hạnh phúc cho toàn dân.

## ***2.2. Xóa bỏ bất công, tiến tới quyền bình đẳng cho mọi tầng lớp nhân dân***

Bình đẳng và không phân biệt đối xử là nguyên tắc nền tảng trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người, được khẳng định

trong Điều 1 của Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (năm 1948)<sup>12</sup> và Điều 2 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (năm 1966)<sup>13</sup>. Những văn kiện này nhấn mạnh rằng “mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền lợi”, không ai bị phân biệt đối xử dựa trên nguồn gốc, giới tính, địa vị xã hội hay các đặc điểm khác. Trong bối cảnh đó, một trong những bước chuyển có tính nền tảng về quyền con người tại Việt Nam sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là những nỗ lực không ngừng của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền trong việc xóa bỏ các hình thức bất công, đồng thời xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và hướng tới sự phát triển toàn diện cho mọi tầng lớp nhân dân.

Trước năm 1975, được sự hậu thuẫn của Mỹ, sự tồn tại của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã dẫn đến sự phân hóa nghiêm trọng về kinh tế - xã hội ở miền Nam Việt Nam. *Về mặt kinh tế*, khoảng 65% “ngân sách quốc gia” phụ thuộc vào viện trợ từ Mỹ<sup>14</sup>. Phần lớn số viện trợ này được chi cho các mục tiêu quốc phòng, nhập khẩu hàng tiêu dùng và duy trì bộ máy chính quyền, hạn chế đầu tư vào phát triển hạ tầng hay công nghiệp nội địa. Xu hướng đầu tư đó dẫn đến hệ quả là nền kinh tế miền Nam không hình thành từ nội lực mà dựa trên viện trợ ngoại sinh, khiến cơ cấu kinh tế bị mất cân đối và lệ thuộc nặng nề vào Mỹ<sup>15</sup>. *Về mặt xã hội*, ngay sau khi được Mỹ đưa lên nắm quyền ở miền Nam Việt Nam, cùng với việc thực hiện chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng”, Ngô Đình Diệm đã thực hiện cuộc “cải cách điền địa”, mục tiêu chính là phục hồi giai cấp địa chủ, chỗi dựa cơ bản của

chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Chính sách cải cách điền địa của chính quyền Ngô Đình Diệm là một bộ phận trong cuộc phản công toàn diện của Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào phong trào cách mạng ở nông thôn miền Nam, nhằm xóa bỏ thành quả ruộng đất mà chính quyền cách mạng đã đem lại cho nông dân. Với việc thực hiện chính sách “cải cách điền địa”, chính quyền Ngô Đình Diệm đã cướp từ 80 - 90% ruộng đất mà chính quyền cách mạng đã giao cho nông dân miền Nam. Trong “Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam”, Mỹ cũng phải thừa nhận rằng: “Chương trình cải cách điền địa của Diệm đã không phân chia lại ruộng đất cho người nghèo mà rút cục chỉ lấy những thứ mà Việt Minh đã chia cho họ rồi trả về cho địa chủ. Năm 1960, 75% đất đai vẫn nằm trong tay 15% dân số”<sup>16</sup>. Nhà nghiên cứu Martin Ravallion, Dominique van de Walle nhận định: “Các chính quyền kế tiếp nhau được Mỹ ủng hộ cũng gắn tầm quan trọng với vấn đề đất đai, tuy nhiên đều theo đuổi các chính sách phù hợp với lợi ích của những chủ điền lớn hơn là tá điền hay các hộ tiểu nông”<sup>17</sup>. Như vậy, đa số nông dân ở miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Việt Nam Cộng hòa không có đất. Họ phải làm thuê với mức lương thấp, trong khi tầng lớp thượng lưu sống xa hoa nhờ các đặc quyền về chính trị, kinh tế, từ đó tạo ra sự phân hóa giai cấp sâu sắc.

Chính vì lẽ đó, sau khi đất nước thống nhất, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định một trong những chiến lược phát triển trọng tâm là xóa bỏ sự bất bình đẳng xã hội, thiết lập nền tảng cho phát triển kinh tế -

xã hội. Các chính sách xã hội tập trung vào việc cải cách ruộng đất và giao quyền sử dụng đất cho nông dân. Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Nhiệm vụ điều chỉnh ruộng đất đặt ra như một mục tiêu đầu tiên của quá trình cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội ở nông thôn Nam Bộ sau giải phóng. Mục tiêu đó là xóa bỏ bóc lột bằng cách xóa bỏ sự tập trung ruộng đất ở một số người, làm giảm bớt mức độ chênh lệch về ruộng đất trong nội bộ nông dân, chia cấp thêm ruộng đất cho các hộ nông dân nghèo chưa có đất”<sup>18</sup>. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 254-NQ/TW ngày 15/7/1976 của Bộ Chính trị về những công tác trước mắt ở miền Nam; Chỉ thị số 235-CT/TW ngày 20/9/1976 của Ban Bí thư về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề ruộng đất ở miền Nam và Quyết định số 188/CP ngày 25/9/1976 của Hội đồng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiến ở miền Nam Việt Nam...

Nhờ những chủ trương, chính sách đó mà đến năm 1985, hầu hết các hộ nông dân ở các tỉnh Nam Bộ đã có ruộng đất để sản xuất nông nghiệp. Về cơ bản, chính sách ruộng đất ở Nam Bộ đã được hoàn thành trong 10 năm (1975 - 1985), có 381.517 ha ruộng đất được cấp cho 480.312 hộ nông dân (tính riêng năm 1985 là 114.713 ha cho 148.196 hộ nông dân)<sup>19</sup>. Như vậy, có thể thấy, việc Đảng và Nhà nước tập trung giải quyết những vấn đề về ruộng đất đã góp phần bảo đảm quyền bình đẳng, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo và xây dựng một xã hội dựa trên các nguyên tắc công bằng hơn cho mọi thành phần dân cư.

Ngoài ra, một trong những thành tựu trong xóa bỏ bất công xã hội, tiến tới bảo đảm quyền bình đẳng cho mọi tầng lớp nhân dân là cuộc Tổng tuyển cử năm 1976 - một sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử, xác lập quyền làm chủ của mọi tầng lớp nhân dân (bao gồm cả phụ nữ, công nhân, nông dân và đồng bào dân tộc thiểu số). Tất cả mọi người dân đều được tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa của đất nước.

Theo số liệu thống kê, ngày 25/4/1976, cả nước có 98,77% cử tri đi bỏ phiếu. Thực tế đó cho thấy tâm thế dân tộc, sự đồng thuận, ý thức chính trị cao của người dân Việt Nam sau khi thống nhất đất nước. Tổng số đại biểu quốc hội được bầu tại Quốc hội khóa VI là 492 người, gồm các thành phần công nhân (16,2%), nông dân (20,3%), trí thức (19,9%), đảng viên (81,4%), cán bộ chính trị (28,6%), dân tộc thiểu số (13,6%), quân đội (10,9%), phụ nữ (26%), thanh niên (11,7%)<sup>20</sup>. Những số liệu trên là minh chứng sống động cho việc mọi người dân Việt Nam đã được trao quyền tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị, đồng thời khẳng định nỗ lực của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong việc xóa bỏ bất bình đẳng xã hội, hướng đến mục tiêu dân chủ và phát triển bền vững.

### ***2.3. Bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, y tế và việc làm***

Sau giải phóng, việc nâng cao chất lượng cuộc sống và hiện thực hóa quyền được phát triển toàn diện của con người là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước. Trước hết là bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, y tế và việc làm - nền tảng của sự phát triển con người.



Trong lĩnh vực giáo dục, theo số liệu thống kê năm 1974, những người không biết đọc, biết viết ở miền Nam chiếm khoảng 30% dân số, trong đó, riêng thành phố Sài Gòn có 20 vạn người không biết đọc, biết viết. Trong khi đó, từ năm 1958, miền Bắc đã giải quyết xong nạn mù chữ<sup>21</sup>. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 221-CT/TW ngày 17/6/1975 của Ban Bí thư về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng; Chỉ thị số 222-CT/TW ngày 17/6/1975 của Ban Bí thư về công tác giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam trong thời gian trước mắt, với mục tiêu tích cực thực hiện các chính sách nhằm xóa nạn mù chữ, cải cách giáo dục cho người dân miền Nam, hướng tới phổ cập giáo dục trên phạm vi toàn quốc. Do đó, ở giai đoạn này, người dân miền Nam vừa thực hiện xóa mù chữ, vừa học bổ túc văn hóa để nâng cao trình độ, đồng thời ngăn chặn tình trạng tái mù chữ.

Nhờ đó, đến tháng 6/1976, ở miền Nam đã có 20 vạn người biết đọc, biết viết. Đến đầu năm 1978, tất cả các tỉnh và thành phố miền Nam đã căn bản xóa xong nạn mù chữ. Trong tổng số 1.405,9 nghìn người không biết chữ, có 1.323,7 nghìn người đã thoát nạn mù chữ. Trình độ dân trí được nâng lên, nhiều hủ tục, tập quán lạc hậu, tình trạng tuyên truyền sai sự thật... cũng giảm đáng kể<sup>22</sup>.

Công tác dạy nghề phát triển mạnh. Nếu năm 1977 cả nước mới chỉ có 260 trường trung học chuyên nghiệp, hơn 117 nghìn sinh viên và 7,8 nghìn giáo viên, thì đến năm 1985, số trường trung học chuyên nghiệp là 314 trường, với 128,5 nghìn sinh viên và 11,4 nghìn giáo viên (tăng 9% về số sinh viên và 44,9% về số giáo viên so với năm 1977)<sup>23</sup>. Như vậy, quyền được học tập của mọi người dân Việt Nam đã được hiện thực hóa, hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong các văn kiện quốc tế về quyền con người.

Việc bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, mà còn thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

*Trong lĩnh vực y tế*, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định việc bảo đảm quyền tiếp cận y tế là một trong những ưu tiên hàng đầu để phục hồi và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Bởi, đây không chỉ là nhu cầu cơ bản của con người, mà còn là quyền con người được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế<sup>24</sup>. Do đó, ngay sau khi chiến tranh kết thúc, mặc dù đất nước còn nhiều khó khăn (chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc...), nhưng ngành y tế, xã hội vẫn được Nhà nước chú trọng đầu tư 4.652 triệu đồng (chiếm 61% ngân sách văn xã và bằng 9% tổng ngân sách)<sup>25</sup>. Trên cơ sở đó, mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở, được mở rộng, xây mới và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Nhờ đó, trong giai đoạn 1976 - 1981, Việt Nam đã xây dựng được mạng lưới y tế phổ cập rộng rãi, 97% xã, phường có trạm y tế, với lực lượng cán bộ gồm 55.780 người, trong đó có 171 bác sĩ, 9.602 y sĩ. Mỗi xã có 6 cán bộ y tế các loại, trung bình mỗi huyện có 1 - 2 phòng khám, 1 hiệu thuốc và 6,4 bác sĩ<sup>26</sup>. Năm 1976, số giường bệnh thuộc các cơ sở y tế là 89,4 nghìn giường; năm 1985 đã tăng lên 114,7 nghìn giường, số nhân viên y tế năm 1985 cũng tăng lên 160,2 nghìn người<sup>27</sup>. Chính sách miễn giảm viện phí cho người nghèo, người có công và đồng bào dân tộc thiểu số cũng được Nhà nước Việt Nam áp dụng rộng rãi, giúp xóa bỏ rào cản tài chính trong tiếp cận dịch vụ y tế. Nhờ đó, từ năm 1950

đến năm 2021, tuổi thọ của Việt Nam có sự thay đổi đáng kể: từ 49,2 tuổi lên 73,6 tuổi; đặc biệt, ở giai đoạn 1976 - 2000, tuổi thọ của người dân Việt Nam tăng mạnh (trung bình tăng khoảng 1 tuổi/năm)<sup>28</sup>. Tuổi thọ tăng, tỷ lệ tử vong giảm, nhiều chỉ số sức khỏe quan trọng đã được cải thiện đáng kể. Có thể nói, những kết quả đạt được trong lĩnh vực y tế sau năm 1975 đã thể hiện nỗ lực nhất quán và có hệ thống của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền con người, cụ thể là quyền được sống khỏe mạnh và tiếp cận dịch vụ y tế công bằng, bền vững. Trong bối cảnh hậu chiến với muôn vàn khó khăn, việc xây dựng một hệ thống y tế toàn dân đã góp phần nâng cao tiềm lực quốc gia, năng lực con người và tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội trên nền tảng quyền con người.

*Trong lĩnh vực việc làm*, sau chiến tranh, ở miền Nam có đến 27 vạn thương phế binh cần được cải tạo và giúp đỡ về công ăn việc làm. Thành phố Sài Gòn - trung tâm chỉ đạo chiến tranh của chính quyền Sài Gòn là nơi tập trung nhiều nhất những người thất nghiệp, nửa thất nghiệp và các thành phần xã hội phức tạp<sup>29</sup>. Sau giải phóng, dân số thành phố nhanh chóng tăng lên 4 triệu người. Ngay trong năm 1975, Trung ương Cục miền Nam đã quyết định thành lập Ban Xây dựng vùng kinh tế mới B2 (Nam Bộ). Các vùng kinh tế mới đã được thiết lập ở 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh). Thành phố cũng khẩn trương thành lập Ban Vận động hời hương với sự tham gia của hàng nghìn cán bộ, lực lượng vũ trang, thanh niên, sinh viên. Kết quả là, chỉ trong 7 tháng cuối năm 1975, đã có gần 40.000 người dân sinh sống ở

thành phố được đưa về quê cũ làm ăn. Hàng chục nghìn người tự nguyện rời thành phố về quê được chính quyền cấp giấy chứng nhận. Đến năm 1976, một loạt chính sách lớn được Nhà nước Việt Nam đặt trọng tâm triển khai nhằm tổ chức lại lực lượng lao động trên phạm vi cả nước. Theo đó, lao động từ các thành phố, vùng đồng bằng được sắp xếp lại, điều chuyển tới các vùng kinh tế mới ở trung du, miền núi, vùng ven biển để khai thác đất đai, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi. Đến tháng 6/1976, đã có 50.000 người lao động, sản xuất trên các vùng kinh tế mới. Đến tháng 7/1976, chính quyền cách mạng đã hỗ trợ cho khoảng 50 vạn đồng bào trở về quê cũ sinh sống, làm ăn<sup>30</sup>.

Đồng thời, lao động dư thừa ở đô thị được hướng vào các ngành tiêu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và các hợp tác xã, thu hút thêm hàng vạn người có việc làm ổn định<sup>31</sup>. Đặc biệt, các nhóm dễ bị tổn thương như thương binh, bệnh binh, quân nhân xuất ngũ được quan tâm đào tạo nghề và bố trí việc làm phù hợp<sup>32</sup>; “bảo đảm việc làm cho mọi người trong tuổi lao động và có khả năng lao động, sắp xếp cho mỗi người có công việc hợp lý và đòi hỏi mỗi người làm việc chăm chỉ, có kỷ luật, có năng suất lao động cao, để có thu nhập xứng đáng với cống hiến của mình”<sup>33</sup>. Như vậy, quyền có việc làm không chỉ cung cấp thu nhập và tạo dựng sự ổn định tài chính cho cá nhân và gia đình, mà còn góp phần kích thích sản xuất, nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc dân. Đây cũng là bước đi thiết yếu nhằm hiện thực hóa quyền có một mức sống đầy đủ, bao gồm các nhu cầu cơ bản như thực phẩm, nhà ở,

chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Các chính sách đó góp phần tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển con người toàn diện. Bên cạnh việc cải thiện sinh kế, những nỗ lực đó còn có ý nghĩa xã hội to lớn trong việc khôi phục niềm tin, củng cố tinh thần đoàn kết, tái thiết cộng đồng sau chiến tranh.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ là một chiến công quân sự, chính trị, mà còn là một bước ngoặt quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam. Chiến thắng đã tạo nền tảng cho quyền tự quyết, tạo nên môi trường hòa bình, thực thi quyền bình đẳng và phát triển, đồng thời định hướng cho Việt Nam hội nhập quốc tế, bảo vệ quyền con người theo các tiêu chuẩn chung của thế giới.

Nhìn lại tầm vóc, ý nghĩa của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”<sup>34</sup>.

Nếu trong chiến tranh, cả dân tộc Việt Nam đã dồn sức cho sự nghiệp kháng chiến, đấu tranh để bảo vệ quyền sống, quyền độc lập, tự do, thì sau chiến tranh, cả nước đã nỗ lực vượt bậc để khắc phục những hậu quả nghiêm trọng thời hậu chiến. Đặc biệt, nhiều quyền lợi căn bản của nhân dân đã được

bảo đảm và từng bước cải thiện theo những chuẩn mực chung của thế giới. Đó chính là ý nghĩa sâu xa của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi nhìn nhận sự kiện này từ góc độ quyền con người. Sự nghiệp thống nhất đất nước hoàn thành là động lực to lớn để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện và bảo đảm quyền con người trên con đường hội nhập và phát triển bền vững. ♦

1. Xem Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng: *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, tr. 44.
2. Xem Liên hợp quốc: “Human Development Report 2000”, [https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/np/UNDP\\_NP\\_Human-Development-Report-2000.pdf](https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/np/UNDP_NP_Human-Development-Report-2000.pdf).
3. Xem Phạm Hồng Tung: “Cuộc đấu tranh thống nhất đất nước Việt Nam (1954 - 1975) tiếp cận từ một số phương diện quốc tế”, *Tạp chí điện tử Lịch sử Đảng*, ngày 20/4/2024, <https://tapchilichsudang.vn/cuoc-dau-tranh-thong-nhat-dat-nuoc-viet-nam-1954-1975-tiep-can-tu-mot-so-phuong-dien-quoc-te.html>.
4. Liên hợp quốc: “Hiến chương Liên hợp quốc”, <https://www.un.org/en/about-us/un-charter/full-text>.
- 5, 6, 13. Xem Liên hợp quốc: “Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị”, 1966, <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/international-covenant-civil-and-political-rights>.
7. Xem Nguyễn Thanh Tuấn: “Bảo đảm quyền dân tộc tự quyết và quyền con người”, *Trang thông tin giáo dục quyền con người*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ngày 09/6/2022, <https://tapchiquyenconnguoi.hcmva.vn/Content/bao-dam-quyen-dan-toc-tu-quyet-va-quyen-con-nguoi-474016>.
- 8, 9, 10. Xem Vũ Quang Hiến: “Hậu quả của cuộc chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975) - Mấy vấn đề bàn luận”, *Trang thông tin điện tử Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn*, ngày 29/4/2015, <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/nckh/san-pham-nghien-cuu-tieu-bieu/hau-qua-cua-cuoc-chien-tranh-viet-nam-1954-1975-may-van-de-ban-luan-11757.html>.
11. Xem Lan Hương: “Nguyễn Trọng Phúc: 25/4/1976 - Ngày tổng tuyển cử bầu Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất có tầm vóc và ý nghĩa lớn lao”, *Công thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 25/4/1924, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=86453>.
12. Xem Liên hợp quốc: “Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền”, 1948, <https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights>.
14. Xem Hòa Phong: “Sự thật không thể chối cãi (Kỳ 1): Bài 1: “Một chế độ không tự nuôi nổi nó!””, *Báo Nhân Dân điện tử*, ngày 28/8/2018, [https://nhandan.vn/su-that-khong-the-choi-cai-ky-1-pos-t333722html?gidzl=PaRZSoKtyI1cKELp9fIm8MjIx7SoBvfnSbox8sGihNScLRqcDIsjSNDTwo8y9\\_nmAbUYb3LtlILA83x\\_90](https://nhandan.vn/su-that-khong-the-choi-cai-ky-1-pos-t333722html?gidzl=PaRZSoKtyI1cKELp9fIm8MjIx7SoBvfnSbox8sGihNScLRqcDIsjSNDTwo8y9_nmAbUYb3LtlILA83x_90).

15. Xem Hoàng Hải Hà: “Nền kinh tế thị trường ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) nhìn dưới góc độ lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8/2011, tr. 9-17.
16. Xem Nguyễn Văn Nhật: “Vấn đề ruộng đất trong cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954 - 1975”, *Tạp chí điện tử Khoa học xã hội*, ngày 23/11/2018, <http://m.tapchikhkh.vass.gov.vn/van-de-ruong-dat-trong-cach-mang-dan-toc-dan-chu-o-mien-nam-thoi-ky-1954-1975-n50239.html>.
17. Martin Ravallion, Dominique van de Walle: *Đất đai trong thời kỳ chuyển đổi: Cải cách và nghèo đói ở nông thôn Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 15.
18. Lê Duẩn: *Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
19. Xem Hoài Phạm: “Nhìn lại công cuộc điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ từ năm 1975 đến giữa những năm 1980”, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 5 (159), 2020, tr. 32-53.
20. Xem “Số liệu tổng quát về các kỳ bầu cử Quốc hội từ khóa I đến khóa XIII”, *Công thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 09/3/2012, <https://quochoi.vn/tulieuquochoi/tulieu/baucuquochoi/Pages/bau-cu-quoc-hoi.aspx?ItemID=23986>.
- 21, 22. Xem Nguyễn Văn Kim: “Thống nhất đất nước và cải cách giáo dục ở Việt Nam giai đoạn (1975 - 1985)”, *Tạp chí Nghiên cứu chính sách và quản lý*, t. 40, số 3 (2024), tr. 1-12.
- 23, 27. Xem Nguyễn Thị Hương: “Những dấu ấn quan trọng về kinh tế - xã hội trong hành trình 75 năm thành lập và phát triển đất nước qua số liệu thống kê”, <https://www.nso.gov.vn/sukien/2020/09/23410/>.
24. Điều 12 của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (năm 1966) quy định quyền được hưởng “mức cao nhất có thể đạt được về sức khỏe thể chất và tinh thần”.
- 25, 26. Xem “Văn kiện Quốc hội toàn tập, tập VI (quyển 1) 1981 - 1983 Thuyết trình của Ủy ban Y tế và Xã hội của Quốc hội”, <https://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=3289>.
28. Xem Trần Thị Anh Thư và cộng sự: “Mối quan hệ giữa dân số và tuổi thọ của Việt Nam từ năm 1950 - 2021”, *Tạp chí Y học cộng đồng*, số 65, tr. 191-198.
29. Thời điểm năm 1975, thành phố Sài Gòn có đến 500.000 người thất nghiệp, 170.000 phế binh, 700.000 người bỏ làng ra thành phố, 100.000 gái mại dâm, 150.000 người nghiện ma túy, 10.000 trẻ “bụi đời”, 10.000 người ăn xin, 200.000 trẻ mồ côi, 200.000 lưu manh, du dương, 30.000 người cờ bạc, buôn lậu, 400.000 lính của chế độ Việt Nam Cộng hòa tan rã sống ở thành phố. Xem Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 73.
30. Xem Trần Đức Cường: *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, t. 14, tr. 27-28, 34-36.
31. Xem “Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iv/bao-cao-phuong-huong-nhiem-vu-va-muc-tieu-chu-yeu-cua-ke-hoach-5-nam-1976-1980-1511>.
32. “Văn kiện Quốc hội toàn tập tập IV (1971 - 1976) Báo cáo số 607/QP ngày 06/12/1974 của Bộ Quốc Phòng về tình hình thực hiện chính sách đối với thương binh, bệnh binh xuất ngũ”, <https://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=1028>.
- 33, 34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 37, tr. 709, 471.